

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 05 - 7 - 2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình
về ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Ông Lê Quang Thom

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Ngọc T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 87, ấp T, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Tống Ngọc S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 371, ấp N, xã K, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn và có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Võ Ngọc T và anh Tống Ngọc S sau thời gian tìm hiểu 04 năm thì tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới vào khoảng năm 2011,

đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2012 tại UBND xã Tân Khánh Đông, thành phố S. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 bắt đầu có mâu thuẫn. Sau khi con được khoảng 01 tuổi, do điều kiện kinh tế nên chị T để con ở nhà cho cha mẹ chị T chăm sóc, nuôi dưỡng để lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Nhưng khi lên Thành phố M, anh S không cho chị T ở chung nhà trọ với anh S và cũng không đồng ý để chị T đi làm ở công ty. Anh S bắt buộc chị T phải qua làm chung nhà hàng với em gái của anh S và phải ở tập thể chung với nhiều người. Trong thời gian này anh S cũng không tới lui, quan tâm đến việc ăn ở, sinh hoạt của chị T. Còn về phía chị T vì thương anh S nên vẫn cứ tới lui lo cơm nước. Thời gian sau đó, chị T có đề nghị sẽ về nhà trọ sống chung với anh S và được anh S đồng ý. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh S có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị T nhiều lần và hăm dọa nếu chị T không dọn đi nơi khác ở thì anh S sẽ giết chị, nên chị phải dọn ra ngoài sống chung với bạn. Vì thương anh S nên chị vẫn tới lui lo lắng cho anh, nhưng khi chị đến phòng trọ lo cơm nước cho anh S thì anh S cũng không vui vẻ mà còn chưởi mắng chị. Sau nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không hạnh phúc, vợ chồng vẫn không thể hòa hợp, không có sự chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Do đó, từ tháng 10/2020 đến nay chị T không còn sống chung với anh S nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị T yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tống Ngọc Thủy Q, sinh ngày 17/01/2013 (Hiện đang sống với chị T). Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con, chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Chị T không đồng ý giao con cho anh S nuôi dưỡng vì từ nhỏ cháu Q đã sống chung với chị T và ông bà ngoại (cha mẹ của chị T). Hơn nữa, về phía cháu Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Tống Ngọc S trình bày:

- Về hôn nhân: Mặc dù, trong thời gian tìm hiểu 04 năm, bản thân anh S đã nhận thấy quan điểm sống giữa anh S và chị T không phù hợp do có sự chênh lệch về học vấn (anh S tốt nghiệp đại học, còn chị T chỉ mới học đến lớp 6) nên không muốn tiến đến hôn nhân với chị T. Tuy nhiên, vì sự động viên của cha mẹ hai bên nên anh S đã đồng ý tổ chức đám, kết hôn với chị T. Sau kết hôn, anh S và chị T chung sống đến khoảng năm 2014 – 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do học vấn của chị T thấp, dẫn đến nhận thức kém, hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ. Cũng vì trình độ thấp, nên xin việc làm vào các công ty khó khăn. Do đó, anh S mới đề nghị chị T đến nhà hàng làm chung với em gái anh S, vì công việc nhà hàng cũng phù hợp với chị T hơn. Do nhà hàng nơi chị T làm cách xa phòng trọ của vợ chồng đang ở, đi về đêm khuya không an toàn chị T nên anh S mới để chị T ở chung với em gái anh S và cuối tuần vợ chồng có gặp nhau đi ăn uống. Vài năm sau đó, thì vợ chồng có về nhà trọ sống chung với

nhau. Sau khi vợ chồng về nhà trọ sống chung được một thời gian, do tính chất, giờ giấc làm việc của vợ chồng trái ngược nhau. Nhiều lúc anh S cần sự yên tĩnh để nghỉ ngơi, nhưng chị T đi làm về khuya, sinh hoạt ồn ào làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của anh S, dẫn đến vợ chồng cự cãi gây gổ, nhiều lúc nóng giận anh S có đánh chị T một vài cái vào mặt. Sau đó, chị T tiếp tục lại dọn ra ngoài sống riêng nhưng vẫn tới lui lo cơm nước cho anh S. Từ tháng 10/2020 đến nay thì vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay anh S không đồng ý ly hôn vì về tình cảm anh S vẫn còn thương chị T, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn tiếp tục chung sống để cùng lo cho con.

- Về con chung: Anh S thống nhất có 01 con chung tên Tống Ngọc Thủy Q, sinh ngày 17/01/2013 (Hiện đang sống với chị T). Trường hợp ly hôn, anh S yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh S không đồng ý giao con cho chị T nuôi vì chị T không có nhà ở, công việc không ổn định, trình độ học vấn thấp nên không đủ điều kiện để nuôi dạy con. Hơn nữa, cha mẹ chị T cũng không có kiến thức về nuôi dạy trẻ nhỏ, cháu Q bệnh không đưa đi bác sĩ mà để ở nhà cho uống thuốc bắc, thuốc nam.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh S không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Cho chị T và anh S ly hôn; Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét.

- Về án phí đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Võ Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn, nuôi con chung’. Bị đơn anh Tống Ngọc S cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Võ Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn anh Tống Ngọc S. Anh S không đồng ý ly hôn chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Võ Ngọc T và anh Tống Ngọc S chung sống vợ chồng từ năm 2011,

trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2012 tại UBND xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa hôm nay, anh S cũng thừa nhận, trong thời gian hai bên đang tìm hiểu, bản thân anh S cũng đã nhận thấy giữa anh S và chị T không phù hợp do trình độ học vấn hai bên có chênh lệch, anh S cũng không muốn đi đến hôn nhân với chị T nhưng vì sức ép từ hai phía gia đình nên anh S phải kết hôn chị T. Chính vì thế mà khi về sống chung, vợ chồng đã không có sự tôn trọng nhau, thường xuyên cự cãi, anh S còn có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần chị T phải ra ngoài thuê nhà trọ sống chung với bạn. Vì thương anh S nên dù bị anh S đánh, đuổi ra khỏi nhà trọ nhưng chị T vẫn cố gắng hàn gắn, hòa giải tới lui lo lắng cho anh S nhưng anh S vẫn không thay đổi. Do đó, từ tháng 10/2020 đến nay chị T không còn sống chung với anh S nữa. Về phía anh S cho rằng còn thương chị T, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn trở lại chung sống nên không đồng ý ly hôn. Nhưng gần 01 năm nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, anh S cũng không tới lui hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng thể níu kéo, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nếu chị T và anh S chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh S thống nhất có 01 con chung tên Tống Ngọc Thủy Q, sinh ngày 17/01/2013 (hiện đang sống với chị T). Khi ly hôn, chị T và anh S đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng sau ly hôn thì cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi cháu Q được khoảng 01 tuổi, do điều kiện kinh tế, nên chị T và anh S đã để cháu Q ở nhà cho ông bà ngoại (cha mẹ chị T) chăm sóc nuôi dưỡng. Về phía anh S không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng vì cho rằng chị T không có nơi ở ổn định, trình độ thấp nên không đủ điều kiện nuôi dạy con. Tuy nhiên, từ trước đến nay chị T và cha mẹ chị T vẫn chăm sóc, nuôi dạy cháu Q rất tốt, cháu Q được đi học đúng độ tuổi quy định. Hiện nay, cháu Q cũng đang sống ổn định với chị T và ông bà ngoại, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Hơn nữa cháu Q là con gái, cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Qua hỏi ý kiến, cháu Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T. Về phía gia đình chị T cũng sẽ hỗ trợ chị T về nơi ở cũng như việc trông nom, dưỡng dục cháu Q. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Q, nhằm giữ sự ổn định về tâm sinh lý cho cháu Q. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần thiết giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về phía anh S có quyền nghĩa vụ đến thăm con, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đ.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn. Cho ly hôn giữa chị Võ Ngọc T và anh Tống Ngọc S.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Ngọc T về việc yêu cầu nuôi con chung.

- Giao con chung tên Tống Ngọc Thủy Q, sinh ngày 17/01/2013 cho chị Võ Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn (Hiện con đang sống với chị T).

- Chị Võ Ngọc T không yêu cầu anh Tống Ngọc S cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét.

- Anh Tống Ngọc S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Ngọc T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 05/5/2021 theo biên lai thu số 0013720 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPŞĐ;
- THA Dân sự TPŞĐ;
- UBND xã Tân Khánh Đông, TPŞĐ;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy